

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 6 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Nhi.

Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị cảnh Nha – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lâm Bá T; Sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Lâm Thị Ú; Sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lâm Bá T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú có tổ chức hôn lễ theo đúng phong tục, tập quán địa phương vào năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2014 vì cuộc sống khó khăn, nên ông T và bà Ú cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Đến năm 2019 thì bà Ú phát sinh quan hệ với người khác, nên bà Ú bỏ đi nơi khác sinh sống. Ông T và bà Ú đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông Lâm Bá T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Ú không còn, nên ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa ông Lâm

Bá T và bà Lâm Thị Ú không phải là vợ chồng; Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà Ú có 01 người con chung là Lâm Thị Hồng Y, sinh ngày 20/9/2009. Hiện cháu Y đang sống với ông T. Ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lâm Thị Hồng Y, sinh ngày 20/9/2009 cho đến khi thành niên, không yêu cầu yêu cầu bà Ú cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà Ú không có tài sản chung và không có nợ chung, nên ông T không có yêu cầu gì.

* Bị đơn là bà Lâm Thị Ú đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, bà Ú không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Ú.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, xử giao cháu Lâm Thị Hồng Y, sinh ngày 20/9/2009 cho ông T nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lâm Thị Ú là bị đơn trong vụ án, bà Ú đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ú.

Đối với nguyên đơn ông Lâm Bá T đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Bá T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2008, trên tinh thần tự nguyện của ông bà, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2014 vì

cuộc sống khó khăn, nên ông T và bà Ú cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Đến năm 2019 thì bà Ú phát sinh quan hệ với người khác, nên bà Ú bỏ đi nơi khác sinh sống. Ông T và bà Ú đã ly thân từ đó cho đến nay. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Bá T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa ông và bà Lâm Thị Ú không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú có 01 người con chung là Lâm Thị Hồng Y, sinh ngày 20/9/2009. Hiện cháu Y đang sống với ông T. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lâm Thị Hồng Y, sinh ngày 20/9/2009 cho đến khi thành niên, không yêu cầu bà Ú cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với bị đơn là bà Lâm Thị Ú đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của ông Lâm Bá T, nhưng bà Ú không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của ông Lâm Bá T. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú sống ly thân cho đến nay thì cháu Y sống chung với ông T. Đồng thời, tại văn bản ghi nguyện vọng của cháu Y thì cháu Y cũng có nguyện vọng sống chung với ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lâm Thị Hồng Y, sinh ngày 20/9/2009 cho ông T nuôi dưỡng đến khi thành niên, do ông T không yêu cầu bà Lâm Thị Ú phải cấp dưỡng nuôi con, nên bà Ú không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà Ú, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm Bá T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Bá T phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Bà Lâm Thị Ú không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Bá T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Hồng Y, sinh ngày 20/9/2009 cho ông Lâm Bá T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Y thành niên. Bà Lâm Thị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà Lâm Thị Ú không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm Bá T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Bá T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng ông Lâm Bá T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000021 ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Lâm Bá T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà Lâm Thị Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lâm Bá T và bà Lâm Thị Ú có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên